Địa chỉ: 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 1900545415
ĐKKD số 0100233583 do sở kế hoạch và đầu tư cấp lần đầu ngày 08/09/1993, cấp lần thứ 43 ngày 06/12/2022
Giấy phép hoạt động số: 94/GP-NHNN ngày 28/09/2018 do NHNN Việt Nam cấp đổi
Website: **www.vpbank.com.vn**
Email: ir@vpbank.com.vn

Hà nội, ngày 18/04/2023

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VPBANK NĂM 2023

- *Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 thông qua ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017.*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên VPBank năm 2023 ngày 18/04/2023.*

Đại hội đồng cổ đông VPBank đã thông qua các Nghị quyết sau đây (Từng nội dung của Nghị quyết có thể được tách riêng để thuận tiện cho các hồ sơ xin phép các cơ quan quản lý hoặc các bên có liên quan)

I. Đại hội đồng cổ đông VPBank thông qua các Nghị quyết sau:

NQ1/2023/ĐHĐCĐ. Thông qua Báo cáo của Ban Điều hành (Phụ lục 01):

Tóm tắt một số kết quả hoạt động kinh doanh 2022

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng, %)	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	% tăng so với 2021	% thực hiện so với KH
1	Tổng tài sản	631.013	547.409	15.3%	90%
2	Huy động khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	366.851	323.133	13.5%	89%
3	Dư nợ cấp tín dụng	479.756	384.030	24.9%	93%
4	Tỷ lệ nợ xấu NH riêng lẻ (TT11)	2,19%	1,51%		
5	Lợi nhuận trước thuế	21.220	14.364	47.7%	72%

Một số mục tiêu kinh doanh chính năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng, %)	Thực tế 2022	Kế hoạch 2023	% tăng trưởng
1	Tổng Tài sản	631.013	877.460	39%

2	Tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá	366.851	518.192	41%
3	Dư nợ cấp tín dụng	479.756	635.972	33%
4	Tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng riêng lẻ (theo TT 11)	2,19%	<3%	
5	Lợi nhuận trước thuế (*)	21.220	24.003	13%

(*) Nếu tính trên các hoạt động kinh doanh cốt lõi, mức tăng trưởng lợi nhuận này tương đương 53%.

- Mức tăng trưởng tín dụng nêu trên là mức tính toán dựa trên nhu cầu và năng lực của Ngân hàng. Số liệu thực tế sẽ được thực hiện dựa trên các hạn mức tối đa/quy định của Ngân hàng nhà nước.
- Các chỉ tiêu kế hoạch trên đây dựa trên các giả định/ phân tích kịch bản tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và năng lực thực tế của Ngân hàng. Đại hội đồng cổ đông thống nhất và giao cho Hội đồng quản trị chủ động quyết định các định hướng hoạt động của Ngân hàng. cũng như có thể điều chỉnh các chỉ tiêu trên phù hợp với tình hình thực tế và các giới hạn/chủ trương của Ngân hàng nhà nước.

NQ2/2023/ĐHĐCĐ. Thông qua toàn văn Báo cáo của Hội đồng quản trị VPBank (Phụ lục 02)

NQ3/2023/ĐHĐCĐ. Thông qua toàn văn Báo cáo của Ban kiểm soát VPBank (Phụ lục 03).

NQ4/2023/ĐHĐCĐ. Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của VPBank được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Bản chi tiết được công bố tại website www.vpbank.com.vn.

NQ5/2023/ĐHĐCĐ. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (triệu đồng)
1	**Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của VPBank (*)**	**16.908.807**
	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(1.259.161)
1.1	**Lợi nhuận thuần trong kỳ có thể phân phối cho cổ đông của ngân hàng**	**18.167.968**
2	**Tổng trích lập các quỹ (*)**	**2.879.494**
2.1	**Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (bắt buộc)**	**961.649**
	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VPBank	958.922
	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ tại các công ty con	2.727
2.2	**Quỹ dự phòng tài chính (bắt buộc)**	**1.917.845**
	Trích quỹ dự phòng tài chính của VPBank	1.917.845
	Trích quỹ dự phòng tài chính tại các công ty con	0
3=1.1-2	**Lợi nhuận còn lại sau trích quỹ bắt buộc**	**15.288.474**
4	**Số lợi nhuận dự kiến chia cổ tức bằng tiền mặt**	**7.933.924**
5=3-4	**Lợi nhuận giữ lại (nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng)**	**7.354.550**

(*) Ghi chú: Số liệu theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán

i. Thông qua phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận 2022 hợp nhất như trên

ii. Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt như sau:

- Thời điểm thực hiện: dự kiến Quý 2-3 năm 2023. Thời gian cụ thể sẽ do Hội đồng quản trị quyết định, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và các điều kiện thực tế của Ngân hàng.
- Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 1.000 đồng) (tính trên tổng số cổ phiếu lưu hành mới sau các đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP và phát hành/chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài).
- Số tiền dự kiến chi trả cổ tức bằng tiền mặt: 7.933.924 triệu đồng.
- Đối tượng nhận cổ tức: Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt.
- Phương thức chi trả: tiền mặt
- Nguồn chi trả cổ tức: nguồn lợi nhuận chưa phân phối của Ngân hàng sau khi trích lập các quỹ tính đến thời điểm 31/12/2022 theo báo cáo tài chính năm 2022 của Ngân hàng.

iii. HĐQT có trách nhiệm quyết định việc thực hiện phương án phân phối lợi nhuận và các quỹ năm 2022 của VPBank và các công ty con nêu trên phù hợp với các quy định của pháp luật và của Ngân hàng nhà nước; thực hiện các quy trình, thủ tục với các cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt.

NQ6/2023/ĐHĐCĐ. Phương án phát hành/bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho cán bộ nhân viên VPBank:

Thống nhất sử dụng số cổ phiếu quỹ do Ngân hàng đang nắm giữ để phát hành, bán cho cán bộ nhân viên (CBNV) theo chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn dành cho cán bộ nhân viên (ESOP) năm 2023. Phương án phát hành/bán cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến bán/phát hành từ nguồn cổ phiếu quỹ: 30.219.600 cổ phiếu.
- Phương thức xác định giá bán: Là mức giá dành cho cán bộ nhân viên của Ngân hàng, theo chương trình phát hành lựa chọn dành cho người lao động với giá bán dự kiến: 10.000 VNĐ/cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành/tổng giá trị cổ phiếu quỹ bán ra dự kiến: 302.196.000.000 đồng (ba trăm linh hai tỷ một trăm chín mươi sáu triệu đồng).
- Tỷ lệ phát hành dự kiến (số lượng cổ phiếu phát hành/tổng số lượng cổ phiếu lưu hành): 0,45%
- Đối tượng được mua: Cán bộ nhân viên VPBank và các công ty con của VPBank theo các tiêu chí và danh sách do Hội đồng quản trị quyết định. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành không được mua.

- Điều kiện hạn chế chuyển nhượng: số cổ phiếu được mua sẽ bị phong tỏa (hạn chế chuyển nhượng) tối đa 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt bán/phát hành. Cho phép Hội đồng quản trị quyết định việc nới lỏng thời gian hạn chế chuyển nhượng cụ thể tùy thuộc vào chính sách nhân sự trong mỗi thời kỳ, nhưng tuân thủ các tỷ lệ sau: kể từ ngày kết thúc đợt bán/phát hành, sau 01 năm sẽ giải tỏa tối đa 30% số cổ phần; sau 02 năm sẽ giải tỏa tiếp tối đa 35% số cổ phần; và sau 03 năm sẽ giải tỏa số cổ phần còn lại. Các quyền lợi phát sinh từ số cổ phần được mua (nếu có) sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Mục đích phát hành: Lựa chọn CBNV có kinh nghiệm, có tài năng để đồng hành lâu dài, cùng phấn đấu, xây dựng và phát triển VPBank và trở thành cổ đông của Ngân hàng.
- Phương thức thực hiện: Sử dụng nguồn cổ phiếu quỹ hiện có của VPBank để bán cho Cán bộ nhân viên. Theo đó, Phương thức giao dịch/ chuyển quyền sở hữu từ Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng sang cho các cán bộ nhân viên được thực hiện theo quy định của pháp luật. Số lượng cổ phiếu quỹ do Ngân hàng nắm giữ sẽ giảm đi tương ứng.
- Thời gian thực hiện: dự kiến Quý 2 - Quý 3/2023 hoặc một thời điểm khác phù hợp do Hội đồng quản trị quyết định.
- Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành: số tiền thu được từ việc phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Ngân hàng.
- Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP như nêu trên và các vấn đề khác liên quan đến các chương trình ESOP nói chung của Ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung công việc sau:

(i) Quyết định toàn bộ nội dung chi tiết của quy chế phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2023, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung:
  - ✓ Xác định tiêu chuẩn và danh sách cán bộ nhân viên được quyền mua cổ phiếu quỹ theo chương trình ESOP;
  - ✓ Quyết định các nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho mỗi cán bộ nhân viên được lựa chọn;
  - ✓ Ban hành các chính sách/yêu cầu ràng buộc áp dụng cho các cán bộ nhân viên được mua; Các điều kiện hạn chế chuyển nhượng phù hợp với Phương án phát hành này và tình hình thực tế;
  - ✓ Xây dựng và quyết định chính sách áp dụng đối với số cổ phiếu ESOP của các trường hợp cán bộ nhân viên nghỉ việc, quy định điều kiện/ cách thức liên quan đến việc mua lại cổ phiếu của các cán bộ nhân viên nghỉ việc và/hoặc xem xét và quyết định việc mua lại cổ phiếu từ các CBNV tự nguyện muốn bán (nếu pháp luật cho phép và phù hợp với nhu cầu của VPBank), bao gồm nhưng không giới hạn bởi việcphê duyệt cán bộ nhân viên khác mua lại cổ phiếu ESOP, hoặc cho phép Công Đoàn Hội sở VPBank (Công Đoàn) đứng tên mua lại; quyết định Hợp đồng mua/bán với các cán bộ nhân viên; quyết định phương án, cách thức và các vấn đề liên quan để xử lý/phân phối lại số cổ phiếu ESOP do VPBank/Công đoàn VPBank/CBNV được phê duyệt đã mua lại… và các công việc cần thiết khác,
  - ✓ Xác định điều kiện/danh sách cán bộ nhân viên được phân phối lại số cổ phiếu (phát sinh từ các điều kiện hạn chế chuyển nhượng của chương trình ESOP) mà Ngân hàng/Công Đoàn mua từ CBNV nghỉ việc hoặc nhận chuyển nhượng trực tiếp từ các cán bộ nhân viên nghỉ việc.

(ii) Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

(iii) Các vấn đề có liên quan khác nhằm mục đích triển khai/vận hành được Phương án ESOP.

(iv) Xây dựng, sửa đổi bổ sung Phương án chi tiết bán cổ phiếu quỹ theo chương trình ESOP phù hợp mẫu biểu của pháp luật, theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền.

(v) Quyết định số cổ phiếu quỹ thực bán; phương án xử lý số cổ phần chưa bán hết đảm bảo tối đa không vượt quá số lượng dự kiến 30.219.600 cổ phiếu.

(vi) Quyết định sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối và/hoặc các quỹ của ngân hàng để bù đắp phần chênh lệch giá phát hành cổ phiếu quỹ cho cán bộ nhân viên theo chương trình ESOP thấp hơn giá cổ phiếu quỹ mua vào, trong trường hợp thặng dư vốn cổ phần không đủ

(vii) Xác định Thời điểm và Phương thức thực hiện Phương án phù hợp với tình hình thực tế.

(viii) Lựa chọn công ty Chứng khoán làm đại lý thực hiện giao dịch (nếu cần);

(ix) Hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật với các cơ quan quản lý nhà nước và các bên liên quan về việc bán cổ phiếu quỹ theo chương trình ESOP.

- Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đăng ký lưu ký, niêm yết và các thủ tục khác liên quan đến cổ phiếu quỹ hiện tại của Ngân hàng; thực hiện các thủ tục liên quan đến việc bán, chuyển quyền sở hữu và quyết định các nội dung, thủ tục liên quan khác theo yêu cầu tại các quy định có liên quan với các cơ quan quản lý theo quy định để triển khai phương án phát hành/bán cổ phiếu quỹ theo chương trình ESOP như trên.
- Đối với các chương trình ESOP đã thực hiện của các năm 2018-2022, giao cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định: (i) Phương thức xử lý số cổ phần (bao gồm cả các quyền lợi phát sinh, cổ tức được chia bằng tiền mặt/cổ phần) của các cán bộ nhân viên đã nghỉ việc trong thời gian hạn chế chuyển nhượng của chương trình ESOP các năm 2018-2022, bao gồm cả việc xác định đối tượng nhận chuyển nhượng là Ngân hàng/Công Đoàn VPBank hoặc cán bộ nhân viên của VPBank / Công ty con theo quyết định của Hội đồng quản trị, các phương thức thanh toán, các hồ sơ/quy trình chuyển nhượng khác có liên quan (ii) Xác định điều kiện/danh sách cán bộ nhân viên VPBank/Công ty con được phân phối lại - nhận chuyển nhượng trực tiếp số cổ phần (bao gồm cả các quyền lợi phát sinh, cổ tức được chia bằng tiền mặt/cổ phần) từ các cán bộ nhân viên nghỉ việc cần phải bán lại; (iii) Quyết định các đối tượng cán bộ nhân viên của VPBank và Công ty con được phân phối lại số cổ phần (bao gồm cả các quyền lợi phát sinh, cổ tức được chia bằng tiền mặt/cổ phần) mà Ngân hàng/Công Đoàn đã mua từ CBNV nghỉ việc; (iv) Quyết định các điều kiện hạn chế chuyển nhượng (nếu có) đối với các đối tượng được phân phối lại số cổ phần mua lại trực tiếp từ các cán bộ nhân viên nghỉ việc và từ Công Đoàn VPBank; (v) Tất cả các công việc, Phương thức, tài liệu khác có liên quan nhằm xử lý các vấn đề có liên quan đến chương trình ESOP nói chung của Ngân hàng cho phù hợp với yêu cầu thực tế từ các cơ quan quản lý và Ngân hàng từng thời kỳ.
- Cho phép Hội đồng quản trị giao, phân công, ủy quyền cho Chủ tịch và/hoặc Tổng giám đốc thực hiện các quyền/công việc được giao, phân công trên đây.

NQ7/2023/ĐHĐCĐ. Thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát VPBank năm 2023 tương đương bằng 0,5% của mức lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Ngân hàng.

NQ8/2023/ĐHĐCĐ. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập cho Ngân hàng bao gồm: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; Công ty TNHH KPMG Việt Nam; Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; Công ty TNHH PwC Việt Nam; Giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán VPBank trong danh sách trên, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và hiệu quả tài chính.

NQ9/2023/ĐHĐCĐ. Thống nhất và phê duyệt, thông qua phương án tăng vốn điều lệ (Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài):

- **Loại cổ phiếu chào bán**: cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng
- **Vốn điều lệ hiện tại:** 67.434.236.010.000 đồng
- **Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến**: 1.190.500.000 cổ phiếu
- **Tỷ lệ sở hữu:** dự kiến 15,005% (tính trên vốn điều lệ của VPBank sau khi hoàn thành việc phát hành cho Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài)
- **Giá trị cổ phần/cổ phiếu tính theo mệnh giá dự kiến:** 11.905.000.000.000 đồng – là nguồn để tăng vốn điều lệ cho Ngân hàng.
- **Mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:** 11.905.000.000.000 đồng.
- **Hình thức chào bán:** chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài.
- **Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư được chào bán:** là nhà đầu tư tổ chức nước ngoài thuộc đối tượng được tham gia đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định của pháp luật, bao gồm Nhà đầu tư chiến lược và/hoặc nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
  - ✓ Có đủ năng lực tài chính, đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo quy định;
  - ✓ Không xung đột lợi ích với Ngân hàng;
  - ✓ Có tỷ lệ sở hữu cổ phần sau đợt phát hành phù hợp với các quy định của pháp luật;
  - ✓ Đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện của nhà đầu tư nước ngoài/cổ đông nước ngoài mua cổ phần của Tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật và VPBank;
  - ✓ Đồng thời, nhà đầu tư được chào bán phải đáp ứng và chứng minh được các yêu cầu khác về nguồn tiền thực hiện mua và tuân thủ các quy trình, thủ tục và các quy định khác của pháp luật liên quan đến việc mua bán cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.
- **Đối tượng được chào bán: Nhà đầu tư chiến lược** SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION (SMBC) (sau đây gọi là "**Nhà Đầu Tư**").
- **Số lượng nhà đầu tư**: 01 Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài. Các cổ đông của VPBank từ bỏ quyền ưu tiên mua của mình đối với số cổ phần được phát hành riêng lẻ theo phương án này.
- **Giá chào bán**: 30.159 đồng/cổ phiếu.
- **Điều kiện hạn chế chuyển nhượng**: Sau khi trở thành cổ đông của VPBank, Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật liên quan áp dụng đối với Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của tổ chức tín dụng và các thỏa thuận khác (nếu có) giữa VPBank và Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó. VPBank có thể thỏa thuận với Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài về một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với pháp luật Việt Nam.

- **Thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến hoàn thành việc phát hành thêm cổ phiếu:** sau khi có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (dự kiến trong Quý 2 – Quý 3 năm 2023. Hội đồng quản trị xem xét, quyết định thời điểm chào bán phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật liên quan.
- **Vốn điều lệ mới sau đợt chào bán dự kiến:** 79.339.236.010.000 đồng.
- **Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ:** để đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn, an toàn hoạt động, nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của Ngân hàng.
- **Mục đích chào bán và kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được:** Đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực tài chính, quản trị, mở rộng quy mô hoạt động của VPBank, tăng trưởng tín dụng và các nhu cầu vốn phục vụ hoạt động, kinh doanh của VPBank. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành riêng lẻ dự kiến sẽ được ghi nhận vào vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần của VPBank, được dành toàn bộ để phục vụ cấp tín dụng cho khách hàng của VPBank, đầu tư góp vốn bổ sung vào các công ty con và các mục đích hợp lệ khác.
- **Kế hoạch sử dụng nguồn vốn điều lệ tăng thêm như sau**: Với nguồn vốn điều lệ tăng lên vào khoảng 11.905 tỷ đồng, VPBank có kế hoạch sử dụng vào một số mục đích chính sau:

STT	Nhu cầu	Số lượng (tỷ đồng)
1	Tăng trưởng nguồn vốn trung dài hạn để phục vụ cho nhu cầu cấp tín dụng của khách hàng.	**11.000**
2	Đầu tư vào hạ tầng, cơ sở vật chất, phát triển hệ thống công nghệ thông tin lớn … phục vụ cho nhu cầu phát triển của Hội sở và mạng lưới chi nhánh; trang bị các máy móc thiết bị hiện đại phục vụ nhu cầu của khách hàng; mở rộng/sửa chữa/cải tạo hệ thống mạng lưới chi nhánh.	**905**

- **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài, phương án phát hành cổ phiếu đảm bảo đáp ứng quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Ngân hàng như sau**: Thống nhất nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa lên mức 30% vốn điều lệ để đảm bảo thực hiện được phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà Đầu Tư.
- **Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên** so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ:

✓ Tại thời điểm hiện nay: VPBank không có cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên/vốn cổ phần có quyền biểu quyết hoặc so với Vốn điều lệ.

✓ Tại thời điểm sau khi tăng vốn bằng việc phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài: Dự kiến chỉ có 01 cổ đông là Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài sở hữu từ 5% trở lên/vốn cổ phần có quyền biểu quyết hoặc so với Vốn điều lệ. Theo đó, tại thời điểm sau khi tăng vốn, số cổ phần do nhà đầu tư chiến lược nước ngoài sở hữu tương đương 15,005% tổng vốn điều lệ, và tương đương 15% - 15,005% so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết của VPBank, tùy thuộc thời điểm hoàn tất giao

dịch và thời điểm hoàn tất việc VPBank phát hành/bán toàn bộ số cổ phiếu quỹ còn lại cho các cán bộ nhân viên.

- **Danh sách cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần từ 20% trở lên**/vốn điều lệ thời điểm hiện tại và sau khi tăng vốn điều lệ: VPBank không có cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ.
- **Thống nhất và thông qua sửa đổi Điều lệ** ghi nhận tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 30% vốn điều lệ và vốn điều lệ mới, thời điểm ban hành các Điều lệ sửa đổi theo các nội dung nêu trên thực hiện theo tình hình thực tế và phù hợp với các quy định, thỏa thuận có liên quan. Thống nhất và thông qua nội dung vốn điều lệ mới ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thống nhất và thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung số lượng cổ phiếu/ cổ phần phát hành thêm tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam/Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và thực hiện niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM.
- **Thống nhất và thông qua việc bầu bổ sung** 01 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 trên cơ sở xem xét ứng cử viên do Nhà Đầu Tư đề cử sau khi Nhà Đầu Tư trở thành cổ đông của VPBank. Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát này sẽ được thực hiện tại cuộc họp đại hội cổ đông gần nhất sau khi Nhà Đầu Tư trở thành cổ đông của VPBank và phụ thuộc vào các chấp thuận cần thiết từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Thống nhất và đồng ý với các quyết định của Hội đồng quản trị, tiếp tục giao nhiệm vụ cho Hội đồng Quản trị VPBank quyết định, đối với (i) việc giao dịch với Nhà Đầu Tư và các vấn đề, nội dung có liên quan hoặc gắn liền với giao dịch (kể cả việc thực hiện, hoàn tất giao dịch); (ii) triển khai phương án phát hành, chào bán cổ phần riêng lẻ, tăng vốn điều lệ cho VPBank; và (iii) tất cả các vấn đề, công việc khác liên quan đến giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau đây:

  ✓ Xây dựng, hoàn thiện, sửa đổi bổ sung "Phương án tăng vốn điều lệ" cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Ngân hàng nhà nước và các cơ quan chức năng có thẩm quyền liên quan;

  ✓ Xây dựng, hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung các tài liệu, hồ sơ như liên quan đến Phương án chào bán, phương án phát hành, báo cáo chứng minh nguồn vốn, báo cáo kế hoạch sử dụng vốn…phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán và theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có thẩm quyền liên quan và tình hình thực tế trong quá trình triển khai các thủ tục cần thiết;

  ✓ Quyết định và thực hiện tất cả các nội dung, tài liệu, hành động, thủ tục cần thiết để thực hiện nội dung nghị quyết này và/hoặc liên quan đến việc chào bán cổ phiếu, việc thực hiện giao dịch với Nhà Đầu Tư , cũng như các công việc, vấn đề, nội dung khác liên quan đến giao dịch (kể cả các công việc sau khi tăng vốn điều lệ/phát hành cổ phiếu như: đăng ký, lưu ký, niêm yết bổ sung, sửa đổi giấy phép, đăng ký kinh doanh vốn mới, cập nhật thông tin trong Điều lệ ghi nhận nội dung vốn điều lệ mới, tỷ lệ sở hữu nước ngoài; công bố thông tin và các thủ tục/công việc khác theo quy định của pháp luật).

- ✓ Sửa đổi, bổ sung, quyết định Phương án sử dụng vốn thu được cụ thể từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ trong phạm vi Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt, đảm bảo hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh của Ngân hàng.
- ✓ Đàm phán, quyết định đối với các nội dung cụ thể (kể cả các nội dung, điều khoản, điều kiện chi tiết về giá chào bán cổ phần; nội dung, điều kiện và điều khoản cụ thể trong các hợp đồng, thỏa thuận giao dịch như hợp đồng, thỏa thuận mua bán cổ phần, hợp tác chiến lược, quản lý tài khoản; các văn bản, giấy tờ, tài liệu, văn kiện, hợp đồng, thỏa thuận khác do VPBank ký và/hoặc tham gia để thực hiện và hoàn tất giao dịch (sau đây gọi chung là "Văn Kiện Giao Dịch"); và các văn bản, tài liệu sửa đổi, bổ sung, thay thế đối với bất kỳ Văn Kiện Giao Dịch nào); và việc ký các Văn Kiện Giao Dịch (kể cả các văn bản, tài liệu sửa đổi, bổ sung, thay thế nào đối với bất kỳ Văn Kiện Giao Dịch nào), các văn bản liên quan với Nhà Đầu Tư và triển khai các thủ tục với các cơ quan quản lý và các bên liên quan trong quá trình triển khai phương án chào bán riêng lẻ/phương án tăng vốn điều lệ này và thực hiện giao dịch nói chung. Đại hội đồng cổ đông thống nhất và chấp thuận các nội dung đàm phán, các thỏa thuận với Nhà Đầu Tư đã được Hội đồng quản trị thông qua.
- ✓ Tiếp tục lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện các công việc liên quan đến đợt phát hành nêu trên (nếu cần thiết).

- Trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trên, Hội đồng quản trị có quyền:
  - ✓ Quyết định các nội dung trong phạm vi, nhiệm vụ được nêu tại Nghị quyết này; và
  - ✓ Tổ chức thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công, ủy quyền, giao nhiệm vụ lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các cá nhân, đơn vị có liên quan của VPBank trong việc triển khai các công việc/thủ tục cần thiết với các cơ quan có thẩm quyền và các bên có liên quan khác; hoàn thiện, sửa đổi/bổ sung, ký các hồ sơ tài liệu theo quy định của pháp luật và/hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền; hoàn thiện, sửa đổi/bổ sung, ký các Văn Kiện Giao Dịch và các văn bản, tài liệu sửa đổi, bổ sung, thay thế đối với bất kỳ Văn Kiện Giao Dịch nào. Các nghị quyết trên có hiệu lực từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban điều hành VPBank và các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

NQ10/2023/ĐHĐCĐ.Về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

1) Đồng ý thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Ngân hàng từ mức 17,642% lên mức 30% để thực hiện việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài.
2) Đồng ý sửa đổi, ghi nhận tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 30% tại Điểm e, Khoản 2, Điều 15, Điều lệ VPBank. Giao cho Hội đồng quản trị thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tương ứng vào Điều lệ theo tiến độ thực tế thực hiện việc chào bán cổ phần và thực hiện các thủ tục thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, đảm bảo phù hợp với việc triển khai kế hoạch chào bán/phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

NQ11/2023/ĐHĐCĐ. Bầu bổ sung nhân sự vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 sau khi Nhà Đầu Tư trở thành cổ đông của VPBank như sau:

1) Số lượng thành viên bổ sung: 01 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát. Theo đó, Hội đồng quản trị có 6 thành viên, Ban kiểm soát có 4 thành viên.
2) Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát sẽ được thực hiện tại cuộc họp Đại hội cổ đông gần nhất sau khi Nhà Đầu Tư trở thành cổ đông của VPBank và trên cơ sở xem xét ứng cử viên do Nhà Đầu Tư đề cử và phụ thuộc vào các chấp thuận cần thiết từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các cổ đông khác của VPBank từ bỏ quyền đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và đồng thuận không thực hiện đề cử thành viên hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát trong đợt bầu cử này.
3) Giao Hội đồng quản trị tổ chức, triển khai các công việc cần thiết để Nhà Đầu Tư đề cử nhân sự và Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung thành viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

NQ12/2023/ĐHĐCĐ. Thống nhất phương án đầu tư góp vốn, hợp tác, liên doanh, liên kết… khác:

1. Thống nhất về mặt chủ trương và thông qua các phương án/giao dịch VPBank thực hiện góp vốn/mua cổ phần, thành lập hoặc mua lại công ty con, liên kết, hợp tác, tham gia vào các phương án cơ cấu lại/hỗ trợ tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng yếu kém hoặc các hình thức khác với các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác… như sau:

- Góp vốn/mua cổ phần, thành lập hoặc mua lại các công ty để trở thành công ty con để thực hiện các ngành nghề kinh doanh được phép theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan:

  (i) Hình thức thực hiện: nhận chuyển nhượng phần vốn góp, mua cổ phần, mua doanh nghiệp theo các quy định pháp luật;

  (ii) Lĩnh vực tham gia: Các doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam trong các lĩnh vực mà pháp luật cho phép VPBank tham gia góp vốn, mua cổ phần, bao gồm nhưng không giới hạn: lĩnh vực quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua bán cổ phiếu; cho thuê tài chính; kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán; thông tin tín dụng…;

  (iii) Tỷ lệ tham gia góp vốn/mua cổ phần: toàn bộ hoặc một phần vốn điều lệ của công ty mục tiêu mà VPBank sẽ tham gia góp vốn, mua cổ phần, tùy thuộc vào thỏa thuận với các bên liên quan và tối đa trong phạm vi pháp luật cho phép;

  (iv) Giá mua: theo cơ chế thỏa thuận trên cơ sở đánh giá hiện trạng doanh nghiệp, thỏa thuận với các bên liên quan và điều kiện thị trường.

  (v) Tổng mức đầu tư của VPBank theo các giao dịch: tối đa trong phạm vi pháp luật cho phép.

- Liên doanh, liên kết, hợp tác; Tìm kiếm, tham gia, triển khai các cơ hội, phương án cơ cấu lại/hỗ trợ tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng yếu kém hoặc các hình thức khác với các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác… trong các lĩnh vực mà VPBank được phép tham gia theo quy định pháp luật khi có cơ hội, phù hợp với chủ trương của Cơ quan có thẩm quyền, hài hòa lợi ích của cổ đông. Giá trị giao dịch, giá trị góp vốn, hợp tác... từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

2. Giao cho HĐQT được toàn quyền quyết định, tổ chức thực hiện, tìm kiếm các doanh nghiệp phù hợp để VPBank tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua lại, liên doanh, liên kết, hợp tác, cơ cấu lại/hỗ trợ tổ chức tín dụng và các hình thức khác như các nội dung nêu tại mục trên (doanh nghiệp mục tiêu) và quyết định, tổ chức thực hiện các phương án chi tiết, và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp thường

niên gần nhất. HĐQT được toàn quyền làm việc, trao đổi, thỏa thuận với bên bán (các bên bán)/đối tác hợp tác, các bên liên quan; làm việc, trao đổi, thống nhất với Cơ quan có thẩm quyền và quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến các giao dịch nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn việc lựa chọn doanh nghiệp mục tiêu, mức/tỷ lệ tham gia của VPBank, giá và các điều kiện kèm theo; cơ cấu tổ chức, hình thức pháp lý của doanh nghiệp mục tiêu; các mô hình/cách thức hợp tác, liên kết, phương án tham gia cơ cấu lại/hỗ trợ (đối với tổ chức tín dụng); quyết định các giao dịch giữa VPBank với tổ chức tín dụng theo phương án được chấp thuận của Cơ quan có thẩm quyền, quyết định các nội dung giao dịch, các tài liệu do VPBank ký và/hoặc tham gia để thực hiện giao dịch cũng như tất cả các vấn đề khác trong quá trình VPBank tham gia đầu tư, hợp tác, cơ cấu lại/hỗ trợ; quyết định sửa đổi, bổ sung, tu chỉnh các phương án, vấn đề, giao dịch theo thống nhất với Cơ quan có thẩm quyền, bên liên quan...

3. Trong quá trình thực hiện nội dung nêu trên, HĐQT được quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được giao và được phân công, phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, đơn vị, cá nhân (phù hợp theo quy định của Ngân hàng) để thực hiện các công việc nêu trên.

NQ13/2023/ĐHĐCĐ. Thống nhất hợp đồng với công ty con:

Thông qua hợp đồng khung cho vay, gửi tiền với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (VPB SMBC FC) - công ty con của Ngân hàng, theo dự thảo đính kèm nhằm đảm bảo việc đáp ứng nhu cầu phối hợp kinh doanh giữa VPBank và công ty con. Đồng ý thông qua hạn mức cho vay, gửi tiền tại VPB SMBC FC đến mức tối đa 30% Vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của VPBank theo từng thời kỳ, mức cụ thể giao cho Hội đồng quản trị quyết định. Đồng thời, giao cho Hội đồng quản trị quyết định các điều khoản/nội dung chi tiết khác của các hợp đồng và tổ chức thực hiện, bao gồm các công việc: (i) Phê duyệt hạn mức/mức/giá trị cụ thể được cấp cho VPB SMBC FC cũng như giá trị của các hợp đồng triển khai với công ty con trong phạm vi hạn mức/giá trị đã được Đại hội cổ đông phê duyệt trên đây; (ii) phê duyệt điều kiện cụ thể để triển khai, thực hiện hợp đồng; (iii) phê duyệt, điều chỉnh, cập nhật các điều khoản hợp đồng và hoàn thiện hợp đồng theo thực tế làm việc, giao kết và thực hiện các hợp đồng với VPB SMBC FC, bao gồm cả việc ký kết các phụ lục hợp đồng, văn bản sửa đổi hợp đồng (nếu cần thiết); (iv) chỉ đạo, quyết định toàn bộ các vấn đề khác có liên quan phát sinh trong quá trình thực hiện các hợp đồng này; (v) được phân công, phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, đơn vị, cá nhân (phù hợp theo quy định của Ngân hàng) để thực hiện các công việc nêu trên.

NQ14/2023/ĐHĐCĐ. Thống nhất giao cho Hội đồng quản trị một số nội dung sau:

- Giao cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại Công ty con.
- Đồng ý cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng như hiện nay. Giao cho Hội đồng quản trị có thể thực hiện điều chỉnh nếu thấy cần thiết, tùy thuộc vào các điều kiện cụ thể của Ngân hàng.
- Giao cho Hội đồng quản trị quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng nếu có. Báo cáo ĐHĐCĐ tại đại hội cổ đông thường niên gần nhất.

NQ15/2023/ĐHĐCĐ. Thông qua việc xin cấp phép bổ sung các ngành nghề kinh doanh của VPBank

như sau:

- Các ngành nghề/hoạt đông kinh doanh xin cấp phép mới:

STT	NGHIỆP VỤ
1	Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
2	Thực hiện các giao dịch hoán đổi ngoại tệ với tổ chức tài chính nước ngoài trên thị trường quốc tế với mục đích hỗ trợ thanh khoản ngoại tệ cho VPBank;
3	Thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn với tổ chức tài chính nước ngoài trên thị trường quốc tế với mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro trên sổ ngân hàng của VPBank.
4	Thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ với tổ chức tài chính nước ngoài trên thị trường quốc tế với mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ đã giao kết và thực hiện với tổ chức tín dụng được phép trong nước.
5	Thực hiện các giao dịch quyền chọn mua, bán ngoại tệ với tổ chức tài chính nước ngoài trên thị trường quốc tế với mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro cho các giao dịch VPBank đã giao kết, thực hiện với khách hàng và tổ chức tín dụng được phép trong nước.
6	Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế
7	Hoạt động giao đại lý, làm đại lý thanh toán
8	Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán
9	Đại diện người sở hữu trái phiếu
10	Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
11	Đại lý phân phối chứng khoán trong phạm vi pháp luật cho phép
12	Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật về chứng khoán.
14	Các hoạt động kinh doanh có liên quan tới hoạt động ngân hàng và các ngành nghề kinh doanh khác trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật và hướng dẫn, chấp thuận, cho phép của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Thông qua việc sửa đổi/bổ sung/cập nhật Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp… để ghi nhận các nội dung ngành nghề kinh doanh, nội dung, phạm vi hoạt động và các thay đổi khác (nếu có) phù hợp với quy định pháp luật.
- Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thực hiện những công việc sau:
  - ✓ Quyết định các vấn đề có liên quan khi thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh các nội dung trên Giấy

phép hoạt động theo Bảng liệt kê ngành nghề nêu trên, kể cả việc bổ sung, làm rõ, tu chỉnh các nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật, yêu cầu của NHNN, các cơ quan quản lý nhà nước và tình hình thực tế.

- ✓ Quyết định và thực hiện đăng ký/trình NHNN, các cơ quan quản lý nhà nước về việc bổ sung, điều chỉnh các nội dung trên Giấy phép hoạt động liệt kê tại bảng trên.
- ✓ Quyết định và thực hiện trình Cơ quan có thẩm quyền về Đăng ký kinh doanh việc bổ sung, điều chỉnh các nội dung trên Giấy phép hoạt động và các thông tin về cổ đông, vốn điều lệ và các thông tin khác khi có phát sinh thay đổi trong Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của VPBank.
- ✓ Quyết định việc đăng ký sửa đổi, bổ sung các nội dung hoạt động kinh doanh trên Giấy phép hoạt động ngoài các nội dung nêu tại bảng trên đây trong trường hợp bắt buộc phải sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc tình hình thực tế.
- ✓ Cập nhật, ghi nhận nội dung ngành nghề kinh doanh trong Điều lệ Ngân hàng, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp… khi được chấp thuận/đồng ý bởi Cơ quan có thẩm quyền.

NQ16/2023/ĐHĐCĐ. Thông qua, đồng ý xuất toán các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đáp ứng điều kiện: sau thời gian tối thiểu 5 năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được. Sau khi xuất toán, các khoản nợ này phải được tiếp tục theo dõi trên hệ thống quản trị trong thời gian tối thiểu 10 năm, trừ các khoản nợ mà khách hàng là tổ chức đã phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật và sau khi thanh lý, xử lý toàn bộ tài sản hoặc khách hàng là cá nhân đã chết, bị tuyên bố mất tích theo quyết định của Tòa án và đã xử lý xong di sản, nghĩa vụ của người này theo quy định của pháp luật. Danh sách các khoản nợ được xuất toán do HĐQT quyết định, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.

NQ17/2023/ĐHĐCĐ. Thống nhất việc chính thức miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với bà Nguyễn Thị Mai Trinh (theo đơn từ nhiệm của bà Nguyễn Thị Mai Trinh đã gửi Hội đồng quản trị VPBank và công bố thông tin ngày 22/12/2022).

II. Nghị quyết trên có hiệu lực từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban điều hành VPBank và các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

CHỦ TỌA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

NGÔ CHÍ DŨNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

————————☆☆☆————————

HỢP ĐỒNG KHUNG GIAO DỊCH CHO VAY, GỬI TIỀN

Số:…/HĐK/VPBANK-…….

Hợp đồng này được lập ngày … tháng … năm 202… bởi và giữa các Bên gồm:

- **Bên A: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)**

  Địa chỉ: …

  Điện thoại: …

  Giấy CN ĐKDN/ĐKDN số: 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội ngày 08/09/1993 và các lần sửa đổi

  Đại diện: …

  Chức vụ: …

  CMND/HC/TCCCD: …

  Theo giấy uỷ quyền số: …

- **Bên B: Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (VPB SMBC FC)**

  Địa chỉ: …

  Điện thoại: …

  Giấy CN ĐKDN/ĐKDN số: 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp ngày 15/02/2007 và các lần sửa đổi

  Đại diện: …

  Chức vụ: …

  CMND/HC/TCCCD: …… Ngày cấp:…….Nơi cấp:……

  Theo giấy uỷ quyền số …

Bên A, Bên B sau đây được gọi riêng là "Bên", gọi chung là "Các Bên"

Đã nhất trí ký kết Hợp đồng khung về giao dịch cho vay, gửi tiền này (sau đây gọi là "Hợp đồng khung") với những điều khoản và điều kiện sau đây:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Hợp đồng khung này, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

   a) ***Bên cho vay/Bên gửi tiền/Bên vay/Bên nhận tiền gửi:*** Là một trong Các Bên tham gia trong Hợp đồng khung này thực hiện giao dịch cho vay/vay, gửi tiền/nhận tiền gửi với Bên còn lại.

   b) ***Hạn mức cho vay/gửi tiền:*** Là mức dư nợ cho vay/số dư tiền gửi tối đa mà Bên cho vay/Bên gửi tiền xác định và đồng ý cấp cho Bên vay/Bên nhận tiền gửi được duy trì trong một thời hạn nhất định (không quá 01 năm). Hạn mức cho vay/gửi tiền bao gồm Hạn mức cho vay/gửi tiền có bảo đảm bằng tài sản và/hoặc Hạn mức cho vay/gửi tiền không có bảo đảm bằng tài sản.

   c) ***Giao dịch cho vay/gửi tiền:*** Là giao dịch mà Bên cho vay/Bên gửi tiền thực hiện giao hoặc cam kết giao cho Bên vay/Bên nhận tiền gửi một khoản tiền để sử dụng trong một thời gian nhất định với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

   d) ***Thời hạn cho vay/gửi tiền:*** Là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của Ngày

vay/ngày gửi tiền đến hết Ngày đến hạn của khoản vay/khoản tiền gửi.

e) ***Lãi suất cho vay/gửi tiền:*** Là lãi suất thực hiện cho vay/gửi tiền được tính theo tỷ lệ phần trăm tính theo năm.

f) ***Tiền vay/Tiền gửi:*** Là số tiền Bên cho vay/Bên gửi tiền cho vay/gửi tại Bên vay/Bên nhận tiền gửi được ghi nhận trong các Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi hoặc Phiếu xác nhận giao dịch.

g) ***Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi:*** Là các Hợp đồng cụ thể mà Bên cho vay/Bên gửi tiền và Bên vay/Bên nhận tiền gửi sẽ giao kết trong tương lai dựa trên cơ sở Hợp đồng khung này.

h) ***Phiếu Xác nhận giao dịch:*** Là văn bản xác nhận các giao dịch qua hệ thống Reuters Dealing (hoặc hệ thống khác theo Các Bên thỏa thuận) và được xác nhận lại qua hệ thống swift code (điện MT320) giữa Các Bên được lập trên cơ sở Hợp đồng khung này, trong đó xác nhận các điều kiện và nội dung của từng Giao dịch cho vay/gửi tiền cụ thể.

i) ***Ngày giao dịch:*** Là ngày Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi, Phiếu xác nhận giao dịch được ký kết.

j) ***Ngày vay/Ngày nhận tiền gửi/Ngày giá trị:*** Là ngày Bên cho vay/Bên gửi tiền phải thực hiện nghĩa vụ chuyển tiền cho Bên vay/Bên nhận tiền gửi.

k) ***Ngày đến hạn:*** Là ngày Bên vay/Bên nhận tiền gửi phải trả toàn bộ tiền gốc, tiền lãi và các loại phí (nếu có) của khoản vay/khoản tiền gửi cho Bên cho vay/Bên gửi tiền. Trường hợp Ngày đến hạn trùng với ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật thì Ngày đến hạn được tính là Ngày làm việc tiếp theo nhưng vẫn phải đảm bảo thời hạn cho vay/gửi tiền trong trường hợp này tuân thủ thời hạn cho vay/gửi tiền theo quy định pháp luật.

l) ***Gia hạn khoản vay/khoản tiền gửi:*** Là việc Bên cho vay/Bên gửi tiền chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian ngoài Thời hạn cho vay/Thời hạn gửi tiền đã thỏa thuận trước đó trong Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch khi Bên vay/Bên nhận tiền gửi có đề nghị kéo dài thời hạn trả nợ do không có khả năng trả đầy đủ hoặc một phần nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay/gốc và/hoặc lãi tiền gửi đúng thời hạn và được Bên cho vay/Bên gửi tiền xem xét, đánh giá là có khả năng trả nợ trong khoảng thời gian gia hạn nhưng vẫn phải đảm bảo thời hạn cho vay/gửi tiền trong trường hợp này tuân thủ thời hạn cho vay/gửi tiền theo quy định pháp luật.

m) ***Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ:*** Là việc Bên cho vay/Bên gửi tiền và Bên vay/Bên nhận tiền gửi thỏa thuận việc thay đổi các kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi đã quy định trong Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch trên cơ sở đề nghị của Bên vay/Bên nhận tiền gửi và được Bên cho vay/Bên gửi tiền xem xét, đánh giá Bên vay/Bên nhận tiền gửi có khả năng trả nợ/thanh toán tiền gửi theo các kỳ hạn được hai bên thỏa thuận điều chỉnh.

n) ***Ngày làm việc:*** Có nghĩa là bất kỳ ngày nào, trừ ngày Thứ Bảy, Chủ nhật và ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định của pháp luật Việt Nam mà với điều kiện ngày đó cũng phải là:

   (i) Đối với giao dịch thanh toán qua hệ thống thanh toán của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), là ngày NHNN mở cửa làm việc; và

   (ii) Đối với giao dịch thanh toán không thông qua hệ thống thanh toán của NHNN, là ngày mà hệ thống thanh toán đó làm việc để thanh toán giao dịch đó.

2. Các từ ngữ, thuật ngữ chưa được giải thích trong Điều 1 này sẽ được hiểu theo từng ngữ cảnh cụ thể và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Phạm vi của Hợp đồng khung

Theo Hợp đồng này, Bên A và Bên B đồng ý thiết lập những nội dung cơ bản, những thỏa thuận nguyên tắc làm cơ sở để xác lập các Giao dịch cho vay/Giao dịch gửi tiền sẽ được thực hiện giữa Các Bên trong tương lai.

Điều 3. Phương thức, Hạn mức cho vay/gửi tiền, Mục đích và Thời hạn vay vốn/Thời hạn gửi tiền

1. Bên A và Bên B đồng ý xác định và cấp cho nhau một Hạn mức cho vay/gửi tiền theo quy định mỗi Bên. Theo đó, trong thời hạn của Hợp đồng này, mỗi Bên có thể vay vốn và trả nợ nhiều lần/nhận tiền gửi và thanh toán nhiều lần, mỗi lần vay vốn/nhận tiền gửi sẽ lập thành một Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi hoặc Phiếu xác nhận giao dịch nhưng tổng dư nợ/số dư tiền gửi tại mọi thời điểm không được vượt quá Hạn mức cho vay/gửi tiền mà mỗi Bên cấp cho Bên kia.

   Bên A cam kết cấp cho Bên B hạn mức cho vay/gửi tiền với số tiền tối đa là … VNĐ (Bằng chữ: … đồng)[1], trong đó giá trị cho vay có tài sản bảo đảm (TSBĐ) tối đa là … VNĐ (Bằng chữ: … đồng)[2], với TSBĐ là …. Việc ký kết Hợp đồng bảo đảm được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này. Bên A có thể gửi tiền với số tiền tối đa bằng hạn mức cho vay/gửi tiền được nêu tại khoản này nếu dư nợ của Bên B tại Bên A tại thời điểm đó bằng 0.

   Bên B phải trả cho Bên A khoản phí sử dụng hạn mức bằng …%/năm[3] trên hạn mức chưa sử dụng.

2. Mục đích vay vốn: Vốn vay từ Hạn mức cho vay theo Hợp đồng khung này được Bên vay sử dụng để bù đắp thiếu hụt tạm thời dự trữ bắt buộc, khả năng chi trả và kinh doanh vốn trên cơ sở cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn, đảm bảo hiệu quả kinh doanh và an toàn hoạt động.

3. Thời hạn cho vay/gửi tiền: Thời hạn cho vay/gửi tiền của mỗi Giao dịch cho vay/gửi tiền sẽ được Các Bên thoả thuận và ghi nhận trong từng Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi hoặc Phiếu xác nhận giao dịch nhưng tối đa dưới 01 năm đối với giao dịch cho vay và tối đa 03 tháng đối với giao dịch gửi tiền.

Điều 4. Lãi suất cho vay/gửi tiền

1. Lãi suất cho vay/gửi tiền trong hạn: Mức lãi suất áp dụng: Mỗi lần vay vốn/nhận tiền gửi, Các Bên sẽ thỏa thuận về mức lãi suất, phương thức điều chỉnh lãi suất áp dụng đối với khoản vay/khoản tiền gửi đó (nếu có) và ghi nhận cụ thể tại Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch.

2. Lãi suất quá hạn: Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn của một khoản vay/khoản tiền gửi bằng 150% Lãi suất cho vay/gửi tiền trong hạn được quy định tại Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi hoặc Phiếu xác nhận giao dịch của Giao dịch cho vay/gửi tiền đó.

3. Lãi suất áp dụng đối với số tiền lãi vay/lãi tiền gửi chậm trả: Bằng 150% Lãi suất cho vay/gửi tiền trong hạn được quy định tại Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi hoặc Phiếu xác nhận giao dịch của Giao dịch cho vay/gửi tiền đó, nhưng không vượt quá mức tối đa 10%/năm hoặc mức tối đa khác (nếu có) theo quy định của pháp luật tùy từng thời điểm.

[1] Giá trị cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với hạn mức tối đa đã được ĐHĐCĐ thông qua
[2] Giá trị cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với hạn mức tối đa đã được ĐHĐCĐ thông qua
[3] Giá trị cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của VPBank theo từng thời kỳ

4. Lãi chậm chuyển tiền: Trường hợp Bên cho vay/Bên gửi tiền không chuyển giao hoặc chuyển giao không đầy đủ và/hoặc không đúng hạn Khoản vay/Khoản tiền gửi cho Bên vay/Bên nhận tiền gửi như thỏa thuận của Các Bên trong Hợp đồng khung, Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch cụ thể mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên vay/Bên nhận tiền gửi thì Bên cho vay/Bên gửi tiền sẽ phải trả Lãi suất chậm chuyển tiền bằng 150% Lãi suất cho vay/gửi tiền trong hạn tính từ Ngày vay/Ngày gửi tiền đến ngày chuyển giao đầy đủ Khoản vay/Khoản tiền gửi cho Bên vay/Bên nhận tiền gửi, đồng thời bồi thường theo quy định pháp luật (nếu có) cho Bên vay/Bên nhận tiền gửi. Bên vay/Bên nhận tiền gửi có trách nhiệm đưa ra các bằng chứng chứng minh các thiệt hại, chi phí phát sinh đó là hợp lý phù hợp với quy định của Hợp đồng khung, Hợp đồng vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch tương ứng.

5. Lãi suất điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn Tiền vay/Tiền gửi: Theo thỏa thuận giữa Các Bên tại thời điểm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn Tiền vay/Tiền gửi.

6. Phương pháp tính lãi đối với tiền lãi cho vay/gửi tiền trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc, tiền lãi đối với lãi chậm trả:

   a) Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày. Số tiền lãi được tính bằng (=) ∑ (số dư thực tế nhân (x) số ngày duy trì số dư thực tế nhân (x) lãi suất tính lãi)/365, trong đó: Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày Bên cho vay/Bên gửi tiền giải ngân khoản tiền vay hoặc tiền gửi đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết Tiền vay/Tiền gửi (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối) và thời điểm xác định số dư để tính lãi, số dư thực tế để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi; số ngày duy trì số dư thực tế là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi; lãi suất tính lãi là lãi suất được ghi nhận cụ thể tại Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch và được tính theo tỷ lệ % theo năm[4].

   b) Trường hợp thời hạn tính từ khi Bên cho vay/Bên gửi tiền giải ngân khoản vay hoặc gửi tiền đến khi thanh toán hết Tiền vay/ Tiền gửi là dưới một (01) ngày và duy trì qua đêm thì thời hạn để tính lãi được xác định là 01 (một) ngày, số dư thực tế dùng để tính lãi là số dư cuối ngày trong thời hạn tính lãi.

   c) Trường hợp Tiền vay/Tiền gửi được nhận/giải ngân và thanh toán hết trong cùng ngày làm việc (nếu có) thì thời hạn tính lãi sẽ do các bên thỏa thuận tại các giao dịch cụ thể.

7. Các Bên thống nhất rằng mức lãi suất tính lãi theo Khoản 6 Điều này tương ứng với mức lãi suất năm theo phương pháp tính lãi quy định tại Khoản 1, Điều 5, Thông tư số 14/2017/TT-NHNN[5].

Điều 5. Điều kiện và Phương thức giao dịch

1. **Điều kiện Giao dịch:** Các Bên đồng ý rằng, các Giao dịch cho vay/gửi tiền chỉ được thực hiện khi Bên vay/Bên nhận tiền gửi đáp ứng các điều kiện sau:

   a) Tổng dư nợ/số dư tiền gửi thực tế của Bên vay/Bên nhận tiền gửi không vượt quá Hạn mức cho vay/gửi tiền được Bên cho vay/Bên gửi tiền cấp theo quy định của Bên cho vay/Bên gửi tiền.

   b) Bên vay sử dụng Tiền vay vào mục đích quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

   c) Đối với Hạn mức cho vay/gửi tiền có bảo đảm bằng tài sản, Bên vay/Bên nhận tiền gửi chỉ được nhận Tiền vay/Tiền gửi khi đã hoàn thành các thủ tục bảo đảm Tiền vay/Tiền gửi cho Bên cho vay/Bên gửi tiền theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm.

[4] Hội đồng quản trị điều chỉnh phù hợp với quy định pháp luật và của VPBank theo từng thời kỳ
[5] Hội đồng quản trị điều chỉnh phù hợp với quy định pháp luật và của VPBank theo từng thời kỳ

d) Tại thời điểm thực hiện Giao dịch cho vay/gửi tiền, Bên vay/Bên nhận tiền gửi không bị Ngân hàng Nhà nước áp dụng biện pháp hạn chế, đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện hoạt động đi vay/nhận tiền gửi trên thị trường liên ngân hàng.

e) Đáp ứng đủ các điều kiện, tuân thủ các nguyên tắc chung khi thực hiện giao dịch vay vốn/nhận tiền gửi trên thị trường liên ngân hàng theo quy định của pháp luật.

2. **Phương thức giao dịch:** Các giao dịch cho vay/gửi tiền phải được thực hiện trước 17h00 của Ngày làm việc theo một trong hai phương thức sau:

2.1. Ký Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi:

a) Mỗi lần phát sinh Giao dịch cho vay/Giao dịch gửi tiền, Các Bên sẽ ký một Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi. Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi bao gồm các nội dung cơ bản sau: tên và địa chỉ của Các Bên, phương thức cho vay/ gửi tiền, số tiền, loại tiền vay/tiền gửi, Ngày giao dịch, Ngày giá trị, Ngày đến hạn, Lãi suất vay/gửi tiền, Thời hạn vay/Thời hạn gửi tiền, phương thức thanh toán, biện pháp bảo đảm tiền vay/tiền gửi (nếu có), tài khoản chỉ định thanh toán và các thông tin khác theo thoả thuận của Các Bên. Các nội dung không quy định tại Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi sẽ áp dụng theo quy định tại Hợp đồng khung này. Trường hợp có sự khác biệt giữa Hợp đồng khung này và Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi thì sẽ ưu tiên áp dụng theo nội dung tại Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi.

b) Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi có thể được Các Bên ký trước thông qua Fax. Việc thực hiện giao dịch qua Fax thực hiện theo Hợp đồng/Thỏa thuận giao dịch qua Fax ký kết giữa Các Bên.

c) Các Bên có trách nhiệm cung cấp cho nhau danh sách, chữ ký của người có thẩm quyền thực hiện giao dịch qua Fax, thông tin về mẫu dấu, số Fax và các thông tin khác có liên quan đến việc thực hiện Giao dịch cho vay/Giao dịch gửi tiền giữa Các Bên. Khi một Bên có sự thay đổi thông tin, Bên có thay đổi phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại biết ít nhất là 01 Ngày làm việc trước ngày thay đổi. Trường hợp Bên thay đổi không thông báo hoặc thông báo cho Bên còn lại không đúng theo quy định nêu trên thì Bên còn lại không phải chịu trách nhiệm về những sai sót, chậm trễ xảy ra (nếu có).

d) Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng khung này.

2.2. Lập và xác nhận Phiếu xác nhận giao dịch:

a) Mỗi lần phát sinh Giao dịch cho vay/Giao dịch gửi tiền, Các Bên thực hiện Giao dịch cho vay/Giao dịch gửi tiền qua hệ thống Reuters Dealing với mã giao dịch như sau:

- Reuters Code của Bên A: VPVN
- Reuters Code của Bên B: ……

b) Phiếu xác nhận giao dịch in ra từ hệ thống Reuters Dealing bao gồm các nội dung cơ bản sau: Tên của Các Bên, Số tiền vay/tiền gửi, loại tiền vay/gửi, Ngày giao dịch, Ngày giá trị, Lãi suất vay/gửi tiền, Thời hạn vay/Thời hạn gửi tiền, Ngày đến hạn, biện pháp bảo đảm (nếu có), phương thức thanh toán, tài khoản chỉ định thanh toán và các thông tin khác theo thỏa thuận của Các Bên. Các nội dung không quy định tại Phiếu xác nhận giao dịch sẽ áp dụng theo quy định tại Hợp đồng khung này.

c) Sau khi thực hiện giao dịch qua hệ thống Reuters Dealing, Các Bên phải thực hiện xác nhận

lại qua hệ thống SWIFT (Điện MT320) đã được đăng ký giữa Các Bên trước khi thực hiện giao dịch cho vay/gửi tiền và thực hiện ngay trong Ngày giao dịch như sau:

- Swift Code của Bên A là: VPBKVNVX
- Swift Code của Bên B là: ……

Trong trường hợp Bên nào gửi điện SWIFT MT 320 có nội dung khác biệt với Phiếu xác nhận giao dịch qua hệ thống Reuters Dealing, thì Bên đó có nghĩa vụ phải sửa và gửi lại điện SWIFT có nội dung đúng như Phiếu xác nhận giao dịch ngay sau khi phát hiện ra sai sót.

d) Phiếu xác nhận giao dịch qua hệ thống Reuters Dealing đính kèm điện MT 320 với nội dung khớp đúng với Phiếu xác nhận giao dịch qua hệ thống Reuters Dealing có giá trị như Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng khung này.

2.3. Phương thức giải ngân tiền vay/chuyển tiền gửi:

Vào mỗi Ngày giá trị/Ngày vay/Ngày nhận tiền gửi, Bên cho vay/Bên gửi tiền sẽ chuyển Tiền vay/Tiền gửi được quy định trong các Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi hoặc Phiếu xác nhận giao dịch cho Bên vay/Bên nhận tiền gửi theo chỉ dẫn thanh toán được quy định cụ thể trong Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi hoặc Phiếu xác nhận giao dịch trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Thanh toán gốc và Lãi tiền vay/tiền gửi

1. Trả nợ gốc, lãi Tiền vay/tiền gửi:

a) Trường hợp Các Bên thỏa thuận trả nợ gốc và lãi cuối kỳ, Bên vay/Bên nhận tiền gửi phải thanh toán hết mọi khoản tiền nợ gốc, lãi, phí, chi phí, bồi thường cho Bên cho vay/Bên gửi tiền vào Ngày đến hạn. Ngày đến hạn của mỗi khoản vay/khoản tiền gửi được quy định cụ thể tại Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi hoặc Phiếu xác nhận giao dịch. Trường hợp Các Bên thỏa thuận trả nợ gốc và/hoặc lãi theo phân kỳ, các kỳ trả nợ gốc/nợ lãi sẽ được quy định cụ thể tại Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch.

b) Trường hợp ngày trả nợ không phải Ngày làm việc thì Bên vay/Bên nhận tiền gửi thực hiện trả nợ vào Ngày làm việc kế tiếp, lãi Tiền vay/Tiền gửi tính cho tới ngày thực trả.

c) Các khoản thanh toán gốc, lãi, phí, liên quan đến các khoản Tiền vay/Tiền gửi mà Bên vay/Bên nhận tiền gửi phải trả theo Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch sẽ được thực hiện bằng cùng loại tiền tệ mà các khoản gốc, lãi, phí, chi phí, phí tổn đó phát sinh trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác.

d) Vào Ngày đến hạn hoặc vào ngày trả nợ gốc, lãi quy định trong Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch, nếu Các Bên không có thỏa thuận nào khác, Bên vay/Bên nhận tiền gửi có trách nhiệm chuyển trả đầy đủ tiền gốc và lãi vào tài khoản của Bên cho vay/Bên gửi tiền theo chỉ dẫn quy định cụ thể tại Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi hoặc Phiếu xác nhận giao dịch.

2. Trả nợ/thanh toán gốc lãi Tiền vay/Tiền gửi trước hạn:

a) Trường hợp Bên vay/Bên nhận tiền gửi muốn thanh toán khoản gốc cho Bên cho vay/Bên gửi tiền trước thời hạn, Bên vay/Bên nhận tiền gửi phải thông báo bằng văn bản cho Bên cho vay/Bên gửi tiền ít nhất 01 (một) Ngày làm việc trước ngày dự định thanh toán trước hạn và phải được Bên cho vay/Bên gửi tiền đồng ý bằng văn bản, đồng thời phải thanh toán cho Bên cho vay/Bên gửi tiền khoản tiền Phí trả nợ trước hạn/phí thanh toán trước hạn (nếu có) theo thông báo của Bên cho vay/Bên gửi tiền tại thời điểm Bên vay/Bên nhận tiền gửi trả

nợ/thanh toán trước hạn. Mọi khoản trả nợ trước hạn này đều phải được Bên vay/Bên nhận tiền gửi thanh toán cùng với lãi, phí trả nợ trước hạn/phí thanh toán trước hạn đã phát sinh trên số tiền trả trước liên quan, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác.

b) Trường hợp Bên cho vay/Bên gửi tiền có nhu cầu rút toàn bộ hoặc một phần số tiền gốc trước thời hạn, Bên cho vay/Bên gửi tiền phải gửi công văn tới Bên vay/Bên nhận tiền gửi trước ít nhất ba (03) Ngày làm việc và phải được Bên vay/Bên nhận tiền gửi đồng ý.

c) Trường hợp khoản Tiền vay/Tiền gửi được trả nợ/thanh toán trước hạn theo quy định tại điểm a), b) Khoản 2 này thì lãi suất thanh toán trước hạn sẽ do Các Bên thoả thuận tại thời điểm thanh toán trước hạn. Trường hợp khoản Tiền vay/Tiền gửi được giải ngân/nhận và thanh toán trước hạn trong cùng Ngày làm việc thì thời hạn tính lãi do Các Bên thỏa thuận tại thời điểm thanh toán trước hạn.

Điều 7. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn Tiền vay/Tiền gửi và Nợ quá hạn

1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn Tiền vay/Tiền gửi:

   a) Trước Ngày đến hạn trả nợ ít nhất là 01 (một) Ngày làm việc, nếu Bên vay/Bên nhận tiền gửi do gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ/thanh toán tiền gửi đúng hạn, Bên vay/Bên nhận tiền gửi có thể gửi văn bản đề nghị Bên cho vay/Bên gửi tiền xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn Tiền vay/Tiền gửi.

   b) Bên cho vay/Bên gửi tiền có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn Tiền vay/Tiền gửi của Bên vay/Bên nhận tiền gửi mà không cần có lý do. Nếu Bên vay/Bên nhận tiền gửi được Bên cho vay/Bên gửi tiền đồng ý điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn Tiền vay/Tiền gửi, thì Bên vay/Bên nhận tiền gửi phải chịu mức lãi suất điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn Tiền vay/Tiền gửi theo thỏa thuận của Bên cho vay/Bên gửi tiền và Bên vay/Bên nhận tiền gửi tại thời điểm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn Tiền vay/Tiền gửi.

   c) Thỏa thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn Tiền vay/Tiền gửi chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản có chữ ký của người có thẩm quyền và con dấu của Các Bên.

   d) Việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn Tiền vay/Tiền gửi được lập thành Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi mới hoặc Phụ lục của Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi hoặc Phiếu xác nhận giao dịch mới, trong đó có dẫn chiếu các thông tin liên quan của giao dịch gốc ban đầu và đảm bảo thời hạn cho vay/gửi tiền theo quy định pháp luật; Trường hợp gia hạn một phần, Bên vay/Bên nhận tiền gửi phải cam kết hoàn trả đầy đủ, đúng hạn lãi Tiền vay/Tiền gửi và số Tiền gốc không gia hạn cho Bên cho vay/Bên gửi tiền.

2. Nợ quá hạn: Trường hợp đến ngày thanh toán nợ gốc và lãi theo quy định của Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch, nếu Bên vay/Bên nhận tiền gửi không thanh toán tiền vay/tiền gửi và không được Bên cho vay/Bên gửi tiền điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn Tiền vay/Tiền gửi thì toàn bộ số dư Tiền vay/Tiền gửi (bao gồm cả lãi chưa thanh toán) trên từng Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi hoặc trên từng Phiếu xác nhận giao dịch sẽ chuyển thành nợ quá hạn. Bên vay/Bên nhận tiền gửi sẽ phải thanh toán cho Bên cho vay/Bên gửi tiền tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất quá hạn như quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 4 Hợp đồng khung này tính trên số nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả tính trên số nợ lãi vay/lãi tiền gửi chậm trả tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Mức lãi suất quá hạn áp dụng với số nợ gốc quá hạn và mức lãi suất chậm trả áp dụng với số nợ lãi chậm trả không vượt quá mức lãi suất tối đa được phép theo quy định của pháp luật tại thời điểm đó (nếu có).

Điều 8. Bảo đảm Tiền vay/Tiền gửi

1. Trong trường hợp Bên vay/Bên nhận tiền gửi được cấp Hạn mức cho vay/gửi tiền có bảo đảm, Các Bên sẽ thoả thuận ký bổ sung Hợp đồng bảo đảm như: Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng thế chấp và/hoặc các văn kiện bảo đảm khác theo thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật ("Hợp đồng bảo đảm") để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ/thanh toán tiền gửi của Bên vay/Bên nhận tiền gửi (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, phí và các chi phí khác liên quan) theo các Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi hoặc Phiếu xác nhận giao dịch đã được xác lập giữa Các Bên.
2. Việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay sẽ được Các Bên thỏa thuận cụ thể trong các Hợp đồng bảo đảm. Hợp đồng bảo đảm là một phần không tách rời Hợp đồng khung này.

Điều 9. Thu hồi nợ trước hạn

1. Các Bên thống nhất thỏa thuận rằng Bên cho vay/Bên gửi tiền có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) thu hồi toàn bộ dư nợ vay/nợ tiền gửi còn lại của Bên vay/Bên nhận tiền gửi trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:
   a) Bên vay/Bên nhận tiền gửi vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng khung này, Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch, Hợp đồng bảo đảm;
   b) Có sự thay đổi về tình trạng pháp lý (tổ chức lại, giải thể, phá sản,…), tình hình hoạt động, tình hình tài chính và/ hoặc các vấn đề khác có liên quan mà theo đánh giá của Bên cho vay/Bên gửi tiền việc thay đổi đó có ảnh hưởng đến việc thực hiện thỏa thuận của Các Bên.
   c) Giá trị tài sản bảo đảm không đủ để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, phí của Bên vay/Bên gửi tiền (trường hợp cho vay/gửi tiền có bảo đảm 100% bằng tài sản) mà Bên vay/Bên nhận tiền gửi không bổ sung tài sản tương ứng với phần chênh lệch thiếu hoặc thay thế biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của Bên cho vay/Bên gửi tiền.
   d) Bên bảo đảm bị phá sản, giải thể, chuyển đổi hoặc không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản trong trường hợp tài sản bảo đảm là của Bên thứ ba;
   e) Bên vay/Bên nhận tiền gửi bị Ngân hàng Nhà nước áp dụng biện pháp hạn chế, đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện hoạt động đi vay/nhận tiền gửi trên thị trường liên ngân hàng;
   f) Bên vay/Bên nhận tiền gửi bị Ngân hàng Nhà nước đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt;
   g) Việc cho vay/gửi tiền có thể dẫn đến việc vi phạm các quy định của pháp luật và/hoặc có thể liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hành vi vi phạm pháp luật.
2. Khi xảy ra một trong các trường hợp nêu trên, Bên cho vay/Bên gửi tiền có quyền căn cứ vào tình hình thực tế và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định thu hồi nợ/thu hồi tiền gửi trước hạn. Khi Bên cho vay/Bên gửi tiền quyết định thu hồi nợ/thu hồi tiền gửi trước hạn, tất cả các Khoản nợ gốc, lãi, các Khoản tiền gửi và các nghĩa vụ liên quan khác của Bên vay/Bên nhận tiền gửi theo Hợp đồng này dù đã đến hạn hay chưa đến hạn đều trở thành khoản thanh toán đến hạn. Bên cho vay/Bên gửi tiền sẽ gửi văn bản thông báo cho Bên vay/Bên nhận tiền gửi, trong đó nêu rõ thời hạn mà Bên vay/Bên nhận tiền gửi phải trả nợ/thanh toán tiền gửi; Bên vay/Bên nhận tiền gửi phải thanh toán cho Bên cho vay/Bên gửi tiền toàn bộ dư nợ còn lại đúng thời hạn mà Bên cho vay/Bên gửi tiền yêu cầu.

Điều 10. Quyền và Nghĩa vụ của Bên cho vay/Bên gửi tiền

1. Quyền của Bên cho vay/Bên gửi tiền:
   a) Yêu cầu Bên vay/Bên nhận tiền gửi cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ các tài liệu, thông

tin cần thiết liên quan đến Tiền vay/Tiền gửi và tình hình hoạt động, kinh doanh, tài chính của Bên vay/Bên nhận tiền gửi.

b) Yêu cầu Bên vay/Bên nhận tiền gửi thực hiện các biện pháp bảo đảm đối với Tiền vay/Tiền gửi (trường hợp cho vay/gửi tiền có bảo đảm bằng tài sản).

c) Yêu cầu Bên vay/Bên nhận tiền gửi thanh toán đầy đủ, đúng hạn cả gốc, lãi, lãi quá hạn, lãi chậm trả và các chi phí khác nếu có liên quan đến khoản vay/khoản tiền gửi;

d) Gia hạn Tiền vay/Tiền gửi; điều chỉnh kỳ hạn trả nợ; điều chỉnh lãi suất cho vay/gửi tiền; chuyển nợ quá hạn theo quy định của Hợp đồng khung, Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch;

e) Từ chối đề xuất cho vay/gửi tiền của Bên vay/Bên nhận tiền gửi nếu Bên vay/Bên nhận tiền gửi không đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Bên cho vay/Bên gửi tiền hoặc khoản vay/khoản tiền gửi không phù hợp với khả năng nguồn vốn của Bên cho vay/Bên gửi tiền.

f) Yêu cầu Bên vay/Bên gửi tiền bổ sung tài sản bảo đảm khi thấy cần thiết.

g) Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng khung này cho Bên thứ ba mà không cần có sự chấp thuận của Bên vay/Bên nhận tiền gửi với điều kiện phải thông báo bằng văn bản cho Bên vay/Bên nhận tiền gửi ít nhất 01 (một) Ngày làm việc trước ngày chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng đó không làm gia tăng bất cứ nghĩa vụ, chi phí nào cho Bên vay/Bên nhận tiền gửi theo Hợp đồng khung này, Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/ Phiếu xác nhận giao dịch.

h) Khởi kiện Bên vay/Bên gửi tiền vi phạm các cam kết đã thỏa thuận tại Hợp đồng khung này, các Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch theo quy định của pháp luật.

i) Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng khung này, Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/ Phiếu xác nhận giao dịch các văn bản thỏa thuận khác ký kết giữa Các Bên và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của Bên cho vay/Bên gửi tiền:

a) Thực hiện đúng thoả thuận trong Hợp đồng khung này.

b) Lưu giữ hồ sơ cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Bồi thường cho Bên vay/Bên nhận tiền gửi theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật khi vi phạm những thỏa thuận đã cam kết trong Hợp đồng khung này.

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng khung này, Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch, Hợp đồng bảo đảm và các văn bản thỏa thuận khác ký kết giữa Các Bên và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quyền và Nghĩa vụ của Bên vay/Bên nhận tiền gửi

1. Quyền của Bên vay/Bên nhận tiền gửi:

a) Nhận Tiền vay/Tiền gửi từ Bên cho vay/Bên gửi tiền theo thoả thuận trong Hợp đồng khung này; Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi hoặc Phiếu xác nhận giao dịch.

b) Trả nợ/thanh toán tiền gửi trước hạn nếu Các Bên có thoả thuận về việc trả nợ/thanh toán tiền gửi trước hạn hoặc khi được Bên cho vay/Bên gửi tiền chấp thuận.

c) Từ chối các yêu cầu của Bên cho vay/Bên gửi tiền không đúng với các thoả thuận đã ký kết

trong Hợp đồng khung này và/hoặc các văn bản thỏa thuận khác ký kết giữa Các Bên.

d) Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng khung này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của Bên vay/Bên nhận tiền gửi:

a) Cung cấp trung thực, chính xác các thông tin, tài liệu có liên quan và chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin cho Bên cho vay/Bên gửi tiền về tình hình thanh khoản, báo cáo tài chính của Bên vay/Bên nhận tiền gửi, tình hình nợ quá hạn của Bên vay/Bên nhận tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác và các thông tin cần thiết khác có liên quan để phục vụ cho việc đánh giá, xác định Hạn mức cho vay/gửi tiền và thực hiện giải ngân phù hợp theo yêu cầu của Bên cho vay/Bên gửi tiền.

b) Trả nợ gốc và lãi Tiền vay, tiền gửi gốc, tiền lãi phát sinh, các loại phí khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng khung này, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng tiền gửi hoặc Phiếu xác nhận giao dịch.

c) Thực hiện trả nợ/thanh toán tiền gửi trước hạn với toàn bộ dư nợ của Hợp đồng khung này nếu xảy ra một trong các trường hợp quy định tại Điều 9 Hợp đồng khung này. Trường hợp không trả nợ trước hạn thì dư nợ còn lại của Hợp đồng khung này là nợ quá hạn và Bên vay/Bên nhận tiền gửi sẽ bị áp dụng lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả theo thỏa thuận tại Hợp đồng khung này, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng tiền gửi hoặc Phiếu xác nhận giao dịch.

d) Hoàn thiện hồ sơ pháp lý của Bên vay/Bên nhận tiền gửi và hồ sơ TSBĐ theo quy định của pháp luật trong trường hợp hồ sơ chưa hợp pháp, hợp lệ.

e) Ký văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng khung trong trường hợp cần thiết sửa đổi, bổ sung.

f) Thực hiện các nghĩa vụ của Bên vay/Bên nhận tiền gửi phát sinh từ Hợp đồng khung này, Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch đối với Bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đó được Bên cho vay/Bên gửi tiền chuyển nhượng quyền thụ hưởng/quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng khung này và Hợp đồng cho vay/ Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch.

g) Tự chịu trách nhiệm về việc sử dụng tiền vay đúng mục đích. Trừ trường hợp pháp luật hoặc hướng dẫn của NHNN quy định khác, Bên cho vay/Bên gửi tiền không có trách nhiệm theo dõi, xác thực, kiểm tra hay giám sát và không chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng tiền của Bên vay/Bên nhận tiền gửi.

h) Bồi thường cho Bên cho vay/Bên gửi tiền theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật khi vi phạm những thỏa thuận đã cam kết trong Hợp đồng khung này.

i) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng khung này, Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch, Hợp đồng bảo đảm và các văn bản thỏa thuận khác ký kết giữa Các Bên và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp Bên vay/Bên nhận tiền gửi không thanh toán hoặc không thanh toán đúng các khoản vay/khoản tiền gửi (bao gồm nhưng không giới hạn các khoản gốc, lãi, khoản phạt, chi phí khác) theo Hợp đồng này, Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu Xác nhận giao dịch thì:

a) Đối với các Giao dịch cho vay/Giao dịch gửi tiền không có tài sản bảo đảm: Các Bên sẽ giải quyết tranh chấp trên cơ sở thương lượng. Trong trường hợp không thương lượng được thì

Các Bên có quyền khởi kiện trước Tòa án.

b) Đối với các Giao dịch cho vay/Giao dịch gửi tiền có khoản vay, khoản tiền gửi đối ứng hay có tài sản đảm bảo: Các Bên sẽ giải quyết tranh chấp trên cơ sở thương lượng. Nếu không giải quyết được thì Bên cho vay/Bên gửi tiền có quyền sử dụng Khoản vay, Khoản tiền gửi đối ứng hay tài sản bảo đảm để thu hồi vốn theo quy định của pháp luật.

Bên vay/Bên nhận tiền gửi bằng Hợp đồng khung này, ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên cho vay/Bên gửi tiền được toàn quyền xử lý tài sản bảo đảm hoặc trích khoản vay, khoản tiền gửi đối ứng của Bên vay/Bên nhận tiền gửi tại Bên cho vay/Bên gửi tiền để thanh toán các Khoản nợ (gốc, lãi, phí và các khoản thanh toán khác) của Bên vay/Bên nhận tiền gửi mà không cần thỏa thuận nào khác.

c) Không phụ thuộc vào quy định tại điểm a) và điểm b) nêu trên, bằng Hợp đồng khung này Bên vay/Bên nhận tiền gửi ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên cho vay/Bên gửi tiền được toàn quyền trích các tài khoản của Bên vay/Bên nhận tiền gửi tại Bên cho vay/Bên gửi tiền và/hoặc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc tại các tổ chức tín dụng khác để thu hồi các khoản nợ vay/nợ tiền gửi (gốc, lãi, phí và các khoản thanh toán khác) nếu Bên vay/Bên nhận tiền gửi vi phạm nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản nợ/khoản tiền gửi nào vào Ngày đến hạn mà không cần một sự thỏa thuận nào khác với Bên vay/Bên nhận tiền gửi. Nếu tài khoản của Bên vay/Bên nhận tiền gửi có loại tiền tệ khác với loại tiền phải thanh toán theo các Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Phiếu xác nhận giao dịch, Bên cho vay/Bên gửi tiền sẽ thực hiện việc chuyển đổi số tiền trên tài khoản của Bên vay/Bên nhận tiền gửi theo tỷ giá trung bình giữa tỷ giá mua vào và bán ra đối với loại tiền đó do Bên cho vay/Bên gửi tiền công bố tại thời điểm khấu trừ.

d) Trong chừng mực không được bảo đảm bằng tài sản, các nghĩa vụ thanh toán của Bên vay/Bên nhận tiền gửi theo các Hợp đồng cho vay, Hợp đồng tiền gửi, Phiếu xác nhận giao dịch được xếp ít nhất là ngang hàng với yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ không có bảo đảm khác, trừ những nghĩa vụ có thứ tự ưu tiên cao hơn theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

Điều 13. Sửa đổi, Gia hạn và Chấm dứt Hợp đồng khung

1. Hợp đồng khung này có thể được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở thoả thuận bằng văn bản, có đầy đủ chữ ký của người đại diện có thẩm quyền và đóng dấu hợp pháp của Các Bên. Các văn bản này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng khung này.

2. Hợp đồng khung này sẽ chấm dứt khi một trong các trường hợp sau xảy ra:

   a) Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng khung.

   b) Một trong Các Bên bị giải thể, phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

   c) Một trong Các Bên thông báo cho Bên kia trước (ba mươi) 30 ngày về việc chấm dứt Hợp đồng khung và Các Bên đã hoàn thành các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng khung này, các Hợp đồng cho vay, Hợp đồng tiền gửi và Phiếu Xác nhận giao dịch.

   d) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

3. Khi chấm dứt Hợp đồng khung này theo quy định tại Điểm a, b Khoản 2 trên đây, Các Bên sẽ cùng thỏa thuận về việc xử lý các quyền và nghĩa vụ giữa Các Bên phát sinh theo Hợp đồng

khung này, các Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi và Phiếu xác nhận giao dịch đã xác lập và đang còn hiệu lực giữa Các Bên.

Điều 14. Các thỏa thuận khác

1. Bất cứ trao đổi liên lạc nào giữa Các Bên liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng khung, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng tiền gửi, Phiếu xác nhận giao dịch đều phải lập thành văn bản và chuyển bằng một trong các phương thức: thư tay, bằng Fax, gửi qua đường bưu điện có bảo đảm, thư tín hoặc telex và phải được gửi tới địa chỉ của Các Bên được quy định tại phần đầu của Hợp đồng khung này, trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác. Trường hợp tại Hợp đồng cho vay/tiền gửi, Phiếu xác nhận giao dịch có thỏa thuận áp dụng lãi suất điều chỉnh thì tại thời điểm điều chỉnh lãi suất, Bên cho vay/Bên nhận tiền gửi phải thông báo cho Bên vay/ Bên gửi tiền bằng văn bản về mức lãi suất cụ thể được điều chỉnh.
2. Các Bên đồng ý cung cấp cho nhau tất cả các thông tin, tài liệu theo yêu cầu hợp lý nhằm tuân thủ các quy định của pháp luật.
3. Các Bên cam kết rằng các khoản Tiền vay/Tiền gửi và tất cả các khoản tiền được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ/tất toán tiền gửi, nghĩa vụ tài chính khác theo Hợp đồng này và các Hợp đồng/Thỏa thuận liên quan được hình thành từ các nguồn hợp pháp và không vi phạm bất kỳ các quy định nào của pháp luật.
4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng khung này được giải quyết trên cơ sở thương lượng trực tiếp giữa Các Bên và trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không tự giải quyết được, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Toà án có thẩm quyền. Các Bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nơi thực hiện Hợp đồng để giải quyết theo quy định của pháp luật. Các Bên thống nhất rằng, nơi thực hiện Hợp đồng là nơi đặt trụ sở của Bên A. Mọi chi phí, án phí Tòa án sẽ do Bên thua kiện chịu trách nhiệm.
5. Hợp đồng khung này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi chấm dứt theo quy định tại Điều 13 nêu trên.
6. Mọi vấn đề chưa được điều chỉnh bởi Hợp đồng khung này sẽ được thực hiện theo thỏa thuận bằng văn bản khác được ký kết giữa Các Bên và các văn bản pháp lý có liên quan.
7. Các Bên xác nhận rằng việc ký kết Hợp đồng khung này là hoàn toàn tự nguyện, không Bên nào bị nhầm lẫn, lừa dối, ép buộc, đe dọa. Đại diện từng Bên một đã đọc lại, hiểu rõ và cùng nhất trí ký tên dưới đây.
8. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------***----------

HỢP ĐỒNG CHO VAY

Số: ……/HĐCV/VPBANK-…

Căn cứ:

- *Hợp đồng khung giao dịch cho vay, gửi tiền số …… ký ngày …. sau đây gọi tắt là "**Hợp đồng khung**");*
- *Theo nhu cầu và khả năng của các bên;*

Hợp đồng này được lập ngày … tháng … năm 202… bởi và giữa các Bên gồm:

- **BÊN CHO VAY** :

- Địa chỉ :……
- Điện thoại : ……Fax: ……
- Giấy CN ĐKDN/ĐKDN số:……do……. ngày ….. /…… /…...
- Người đại diện : ……
- CMND/HC/TCCCD: ……..Ngày cấp:…….Nơi cấp:……
- Chức vụ : ……

  Theo Văn bản ủy quyền số…… ký ngày…../……/……của……

- **BÊN VAY**:

- Địa chỉ :……
- Điện thoại : ……Fax: ……
- Giấy CN ĐKDN/ĐKDN số:……do……. ngày ….. /…… /…...
- Người đại diện : ……
- Chức vụ : ……

  CMND/HC/TCCCD: ……..Ngày cấp:…….Nơi cấp:……

  Theo Văn bản ủy quyền số…… ký ngày…../……/……của……

*đã cùng thỏa thuận và đồng ý ký kết Hợp đồng cho vay này (sau đây gọi là "**Hợp Đồng**") với các điều khoản sau đây:*

Điều 1. Nội dung Hợp Đồng

1. Số tiền vay: ……. (Bằng chữ: …..)
2. Loại tiền: …….
3. Thời hạn vay: …….ngày
4. Ngày hiệu lực: ……/……/……
5. Ngày đến hạn: ……/……/……
6. Lãi suất trong hạn: ……%/năm[1]
7. Hình thức trả lãi[2]:…….
8. Số tiền lãi: …….(Bằng chữ: …..)
9. Phí trả nợ trước hạn: ……[3]

[1] Hội đồng quản trị chỉnh sửa theo từng thời kỳ
[2] Hội đồng quản trị chỉnh sửa theo từng thời kỳ

Điều 2. Phương thức thanh toán, chỉ dẫn thanh toán[4]

1. Vào Ngày hiệu lực Bên cho vay chuyển số tiền vay vào tài khoản số …..... …….của Bên vay mở tại ……(hoặc theo phương thức thanh toán điện tử liên ngân hàng mã code …….).
2. Số tiền gốc và lãi sẽ được Bên vay chuyển cho Bên cho vay vào tài khoản số …..……. của Bên cho vay mở tại …. (hoặc theo phương thức thanh toán điện tử liên ngân hàng mã code ……..).

Điều 3. Biện pháp Bảo đảm[5]

Các Bên đồng ý dùng tài sản bảo đảm tại Hợp đồng bảo đảm số .....ngày……..... làm tài sản bảo đảm cho mọi nghĩa vụ thanh toán của Bên Vay với Bên Cho Vay theo Hợp Đồng này. Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể trong các văn bản giao dịch bảo đảm ký giữa Bên cho vay, Bên vay và các Bên liên quan.

Điều 4. Sửa đổi, gia hạn và chấm dứt Hợp Đồng

1. Hợp Đồng này có thể được sửa đổi, gia hạn trên cơ sở thoả thuận bằng văn bản của Các Bên.
2. Hợp Đồng này sẽ chấm dứt khi một trong các trường hợp sau xảy ra:
   a) Toàn bộ nghĩa vụ của Các Bên theo Hợp Đồng này đã được hoàn thành.
   b) Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp Đồng này trước thời hạn.
   c) Một trong Các Bên thông báo cho Bên kia trước 30 ngày về việc chấm dứt Hợp Đồng và các quyền, nghĩa vụ của Các Bên phát sinh từ Hợp Đồng này.
   d) Một trong các bên bị giải thể, phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
   e) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
3. Trong các trường hợp (b) và (c) và (d) nêu trên, các Bên sẽ thoả thuận về điều khoản và điều kiện cụ thể cho việc chấm dứt Hợp Đồng phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Các Bên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ký trong bản Hợp Đồng này và Hợp đồng khung. Mọi thay đổi đối với bất kỳ nội dung nào của Hợp Đồng này phải được Các Bên thỏa thuận và nhất trí bằng văn bản có đầy đủ chữ ký của người đại diện có thẩm quyền và đóng dấu hợp pháp của Các Bên.
2. Hợp đồng này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng khung. Những nội dung không được đề cập trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo Hợp đồng khung và các văn bản khác ký kết giữa Các Bên.
3. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản gốc, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản.
4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp Đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn; từng bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY **ĐẠI DIỆN BÊN VAY**

[3] Hội đồng quản trị chỉnh sửa theo từng thời kỳ
[4] Hội đồng quản trị chỉnh sửa theo từng thời kỳ
[5] Hội đồng quản trị chỉnh sửa theo từng thời kỳ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
————————☆☆☆————————

HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI

Số: ..../HĐTG/VPBANK-...

Căn cứ:

*Hợp đồng khung giao dịch cho vay, gửi tiền số ……..ngày.... ……..(sau đây gọi tắt là "**Hợp đồng khung**");*

Theo nhu cầu và khả năng của các bên;

Hợp đồng này được lập ngày ... tháng ... năm 202... bởi và giữa các Bên gồm:

- **BÊN GỬI TIỀN:**

- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....Fax: .....
- GCN ĐKDN/ĐKDN: …….do …….ngày ….. /…… /……
- Đại diện:.....Chức vụ: .....
- CMND/HC/TCCCD: ……..Ngày cấp:…….Nơi cấp:……
  Theo Văn bản ủy quyền số ……. Ngày …../……/….. của .....

- **BÊN NHẬN TIỀN GỬI: .....**

- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....Fax: .....
- GCN ĐKDN/ĐKDN: …….do …….ngày ….. /…… /……
- Đại diện: Ông/bà .....Chức vụ: .....
- CMND/HC/TCCCD: ……..Ngày cấp:…….Nơi cấp:……
  Theo Văn bản ủy quyền số …… ngày …../……/…… của .....

đã cùng thoả thuận ký kết Hợp đồng tiền gửi này (sau đây gọi là "Hợp đồng") với các điều khoản sau đây:

Điều 1. Nội dung gửi tiền

1. Số tiền gửi: ……. (Bằng chữ: ….)
2. Loại tiền: …….
3. Thời hạn gửi: …….ngày
4. Ngày hiệu lực: ……/……/…….
5. Ngày đến hạn: ……./……/…….
6. Lãi suất trong hạn: …….%/năm[1].
7. Hình thức trả lãi[2]:…….
8. Số tiền lãi: …. (Bằng chữ: …..)
9. Phí thanh toán trước hạn: …….[3]

[1] Hội đồng quản trị chỉnh sửa theo từng thời kỳ
[2] Hội đồng quản trị chỉnh sửa theo từng thời kỳ

Điều 2. Phương thức thanh toán, chỉ dẫn thanh toán[4]

1. Vào Ngày hiệu lực, Bên gửi tiền chuyển số tiền gửi vào tài khoản số …..... của Bên nhận tiền gửi mở tại ….(hoặc theo phương thức thanh toán điện tử liên ngân hàng mã code …...)
2. Số tiền gốc và lãi sẽ được Bên nhận tiền gửi chuyển cho Bên gửi tiền vào tài khoản của Bên gửi tiền số ….. mở tại …. (hoặc theo phương thức thanh toán điện tử liên ngân hàng mã code …...)

Điều 3. Biện pháp Bảo đảm[5]

Các Bên đồng ý dùng tài sản bảo đảm tại Hợp đồng bảo đảm số .....ngày……..... làm tài sản bảo đảm cho mọi nghĩa vụ thanh toán của Bên Nhận Tiền gửi với Bên Gửi tiền theo Hợp đồng này. Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể trong các văn bản giao dịch bảo đảm ký giữa Bên Nhận tiền gửi, Bên Gửi tiền và các Bên liên quan.

Điều 4. Sửa đổi, gia hạn và chấm dứt Hợp đồng

1. Hợp đồng này có thể được sửa đổi, gia hạn trên cơ sở thoả thuận bằng văn bản của hai Bên.
2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt khi một trong các trường hợp sau xảy ra:
   a) Toàn bộ nghĩa vụ của các Bên theo Hợp đồng này đã được hoàn thành.
   b) Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng này trước thời hạn.
   c) Một trong các Bên bị giải thể, phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
   d) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
3. Trong các trường hợp (b) và (c) nêu trên, các Bên sẽ thoả thuận về điều khoản và điều kiện cụ thể cho việc chấm dứt Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Các Bên có trách nhiệm thực hiện các điều khoản đã ký trong bản Hợp đồng này và Hợp đồng khung. Mọi thay đổi đối với bất kỳ nội dung nào của Hợp đồng này phải được Các Bên thỏa thuận và nhất trí bằng văn bản có đầy đủ chữ ký của người đại diện có thẩm quyền và đóng dấu hợp pháp của Các Bên.
2. Hợp đồng tiền gửi này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng khung. Những nội dung không được đề cập trong Hợp đồng tiền gửi này sẽ được thực hiện theo Hợp đồng khung và các văn bản khác ký kết giữa Các Bên.
3. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.
4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp đồng tiền gửi này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn; từng Bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN TIỀN GỬI **ĐẠI BÊN BÊN GỬI TIỀN**

[3] Hội đồng quản trị chỉnh sửa theo từng thời kỳ
[4] Hội đồng quản trị chỉnh sửa theo từng thời kỳ
[5] Hội đồng quản trị chỉnh sửa theo từng thời kỳ